

ĐỀ THI NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG

Ngân hàng TMCP Quân Đội – Tháng 5/2009

Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I : TRẮC NGHIỆM (60điểm, 1điểm/1 câu)

Hãy chọn một câu trả lời đúng nhất

1. Khi muốn giảm lượng tiền trong lưu thông, Ngân hàng Trung ương sẽ:
 - a. Mua trái phiếu và tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc
 - b. Bán trái phiếu và tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc
 - c. Bán trái phiếu và giảm tỉ lệ dự trữ bắt buộc
 - d. Giảm lãi suất chiết khấu
2. Lạm phát tăng làm cho lãi suất danh nghĩa sẽ:
 - a. Tăng
 - b. Không thay đổi
 - c. Giảm
 - d. Không chắc tăng hay giảm
3. Tỷ giá chịu ảnh hưởng của:
 - a. Mức chênh lệch lạm phát của hai nước
 - b. Cung và cầu ngoại hối trên thị trường
 - c. Chênh lệch lãi suất giữa hai nước
 - d. a, b và c
4. Việc tăng giá đồng bán tệ sẽ:
 - a. Khuyến khích xuất khẩu
 - b. Khuyến khích nhập khẩu
 - c. Không ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu
 - d. Thâm hụt cán cân thanh toán
5. Theo số liệu mới nhất của Tổng cục thống kê, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2008 đạt:
 - a. Xấp xỉ 7,0%
 - b. Xấp xỉ 6,2%
 - c. Xấp xỉ 6,5%
 - d. Xấp xỉ 6,0%
6. Năm 2008 trên thị trường xuất khẩu gạo thế giới, Việt Nam là nước xuất khẩu gạo đứng thứ mấy thế giới:
 - a. Thứ 1
 - b. Thứ 3
 - c. Thứ 2
 - d. Thứ 4

- 7. Mặt hàng nào có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất trong năm 2008 của nước ta:**
- Dệt may
 - Dầu thô
 - Gạo
 - Thủy sản
- 8. Sự kiện nào không diễn ra vào năm 2008:**
- Lần đầu tiên Việt Nam đảm nhận vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng LHQ
 - Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng kỷ lục trong vòng 20 năm qua
 - Trên thị trường xuất khẩu hạt điều thế giới, Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu
 - Quốc hội thông qua luật thuế thu nhập cá nhân
- 9. Tháng 4 năm 2009 một người mua một chiếc ô tô được nhập khẩu từ Mỹ với giá 100.000USD, khoản chi tiêu này được tính vào GDP của Việt Nam là:**
- Xuất khẩu ròng giảm 100.000USD
 - Xuất khẩu ròng tăng 100.000USD
 - Tiêu dùng tăng 100.000USD và xuất khẩu ròng giảm 100.000USD
 - Không có tác động nào tới GDP của Việt Nam vì giao dịch này không liên quan sản xuất trong nước
- 10. Biện pháp nào sau đây được các nước áp dụng để bảo hộ sản xuất trong nước:**
- Hàng rào thuế quan
 - Hạn ngạch nhập khẩu
 - Ban hành các tiêu chuẩn nhập khẩu hàng hóa như xuất xứ, kiểm dịch
 - Cả a, b, c
- 11. Tình hình thanh khoản (tính lỏng) của một loại tài sản được xác định bởi:**
- Thời gian để chuyển đổi tài sản đó thành tiền mặt
 - Chi phí tài chính để chuyển đổi tài sản đó thành tiền mặt
 - Khả năng tài sản có thể bán được với giá thị trường của nó
 - a và b
- 12. Trong nền kinh tế mở và tỷ giá hối đoái là linh hoạt, Giả sử Ngân hàng Trung ương**
- 13. Lãi suất thả nổi là lãi suất:**
- Được điều chỉnh khi Ngân hàng tăng lãi suất huy động
 - Được điều chỉnh khi có yêu cầu của khách hàng

- c. Được điều chỉnh định kỳ theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và khách hàng
- d. Chỉ thay đổi khi lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước thay đổi

14. Theo nguyên lý về chiết khấu dòng tiền thì 1 (một) đồng ngày hôm nay so với 1(một) đồng ngày mai sẽ:

- a. Lớn hơn
- b. Nhỏ hơn
- c. Như nhau
- d. Chưa thể kết luận được

15. Ngân hàng thương mại dự báo tỷ giá USD/VND tăng, nếu vì mục đích kiếm lời, họ sẽ:

- a. Duy trì trạng thái ngoại tệ dương
- b. Duy trì trạng thái ngoại tệ âm
- c. Duy trì trạng thái ngoại tệ cân bằng
- d. Không phải các phương án trên

16. Khi cán cân thanh toán quốc tế bị thâm hụt, các nước thường áp dụng các biện pháp nào sau đây để cân bằng:

- a. Hạ giá đồng tiền nội địa để khuyến khích xuất khẩu
- b. Vay nợ nước ngoài và nâng cao lãi suất chiết khấu, thu hồi vốn đầu tư nước ngoài, vàng gửi ra nước ngoài
- c. Vay nợ nước ngoài, nâng cao lãi suất chiết khấu, thu hồi vốn đầu tư nước ngoài, chứng khoán ngoại quốc, xuất khẩu vàng
- d. a và c

17. Tài sản nợ của một Ngân hàng thương mại là:

- a. Dự nợ cho vay đối với khách hàng
- b. Vốn tự có, tiền gửi của khách hàng, tiền đi vay
- c. Tài sản cố định của Ngân hàng
- d. Cả a và b

18. Theo luật các tổ chức tín dụng, các tổ chức sau đây được coi là tổ chức tín dụng:

- a. Ngân hàng, Công ty Bảo hiểm
- b. Ngân hàng, Công ty tài chính, Công ty Bảo hiểm
- c. Ngân hàng, Công ty tài chính, Công ty cho thuê tài chính
- d. Ngân hàng, Công ty tài chính, Công ty cho thuê tài chính, Công ty Bảo hiểm

19. Một khách hàng đi gửi tiết kiệm, lãi suất tiền gửi Ngân hàng 7%/năm, tỷ trọng thời gian khách hàng gửi tiền là 3%. Vậy lãi suất thực tế khách hàng nhận là:
- 10%
 - 7%
 - 4%
 - 3%
20. Theo qui định của Luật các tổ chức tín dụng, đối tượng nào không được ... Ngân hàng nơi mình công tác:
- Cán bộ tín dụng (Cán bộ Quan hệ khách hàng)
 - Cán bộ đầu tư
 - Cán bộ Kinh doanh ngoại tệ
21. **Không chụp được**
22. Tổng mức cho vay và bảo lãnh của một Ngân hàng thương mại đối với một ... thông thường không được vượt quá bao nhiêu phần trăm vốn tự có:
- 10%
 - 15%
 - 20%
 - 25%
23. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng được sử dụng bao ... ngắn hạn để cho vay trung dài hạn:
- 10%
 - 20%
 - 30%
 - 40%
24. Hiện tại Ngân hàng Nhà nước cho phép các Ngân hàng hỗ trợ lãi suất ... khoản vay:
- Ngắn hạn
 - Trung, dài hạn
 - Dài hạn
 - a và b
25. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của tổ chức tín dụng, trừ chi nhánh Ngân hàng ...
- 7%

- b. 8%
 - c. 9%
 - d. 10%
26. **Đối với những khoản vay vượt quá hạn mức cho phép của tổ chức tín dụng ...**
- a. Tổ chức tín dụng chia nhỏ khoản vay để cho vay
 - b. Vẫn cho khách hàng vay số tiền mà khách hàng yêu cầu
 - c. Tìm thêm đối tác để hợp vốn tài trợ cho khoản vay của khách hàng
 - d. Từ chối khoản vay của khách hàng
27. **Thời gian ân hạn của một khoản vay dài hạn là:**
- a. Thời gian khách hàng không phải trả nợ gốc và lãi
28. **Không chụp được**
29. **Không chụp được**
30. **Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phân nhóm ... vay của khách hàng thành:**
- a. 3 nhóm
 - b. 4 nhóm
 - c. 5 nhóm
 - d. 6 nhóm
31. **Bên A bán hàng cho bên B, Ngân hàng có thể cung cấp cho bên A các loại bảo lãnh:**
- a. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh bảo hành
 - b. Bảo lãnh vay vốn
 - c. Bảo lãnh tiền tạm ứng
 - d. a và c
32. **Ngân hàng phát hành bảo lãnh thanh toán tức là Ngân hàng cam kết với người thụ hưởng:**
- a. Sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay khách hàng khi khách hàng không có khả năng thanh toán theo đúng cam kết giữa khách hàng và người thụ hưởng
 - b. Sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo yêu cầu của người thụ hưởng khi khách hàng có đủ tiền trên tài khoản tại Ngân hàng
 - c. Cho khách hàng vay để thanh toán
 - d. Sẽ thanh toán thay khách hàng khi hàng hóa do khách hàng cung cấp cho người thụ hưởng bị hỏng

- 33. Khi Ngân hàng cho khách hàng vay vốn để thực hiện phương án nhập khẩu hàng điện tử với tài sản đảm bảo cho khoản vay là một căn nhà biệt thự thì nguồn trả nợ chính cho phương án là:**
- Nguồn lợi nhuận bán hàng điện tử của phương án
 - Nguồn doanh thu bán hàng điện tử của phương án
 - Nguồn thu hợp pháp khác của khách hàng
 - Nguồn bán căn nhà biệt thự
- 34. Tài sản lưu động của Doanh nghiệp được tài trợ bởi:**
- 35. Việc trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoặc trích dự phòng khoản thu khó đòi)...:**
- Giảm nguồn vốn chủ sở hữu của Doanh nghiệp trong thời kỳ trích dự phòng
 - Giảm lợi nhuận của Doanh nghiệp trong thời kỳ trích dự phòng
 - Tăng nguồn vốn chủ sở hữu của Doanh nghiệp trong thời kỳ trích dự phòng
 - Tăng lợi nhuận của Doanh nghiệp trong thời kỳ trích dự phòng
- 36. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành của Doanh nghiệp lớn hơn 1(>1,0) cho thấy:**
- Khả năng thanh toán của Doanh nghiệp đảm bảo
 - Khả năng thanh toán của Doanh nghiệp đảm bảo nếu Tiền và các khoản tương đương tiền cao
 - Chưa kết luận được, cần xem xét thêm về chất lượng hàng tồn kho
 - Chưa kết luận được, cần xem xét thêm về chất lượng tài sản lưu động
- 37. Theo bảng cân đối kế toán của Doanh nghiệp, Tài sản cố định của Doanh nghiệp bao gồm:**
- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính.
 - Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và các khoản đầu tư tài chính dài hạn
 - Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình
 - Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và các khoản phải thu dài hạn
- 38. Nhu cầu vốn lưu động bằng:**
- Tồn quỹ tiền mặt + khoản phải thu + hàng tồn kho + Khoản phải trả
 - Tồn quỹ tiền mặt + hàng tồn kho + Khoản phải trả

- c. Tồn quỹ tiền mặt + khoản phải thu + Lợi nhuận không chia + khoản phải trả
- d.

39. Không chụp được

40. Không chụp được

41. Không chụp được

42. Không chụp được

43. Vòng quay hàng tồn kho sẽ bằng:

- a. Doanh thu thuần hàng năm/Bình quân giá trị hàng tồn kho
- b. Giá vốn hàng năm/Bình quân giá trị hàng tồn kho
- c. Lợi nhuận sau thuế/Bình quân giá trị hàng tồn kho
- d. Không có phương án nào ở trên

44. Vốn lưu động ròng được tính bằng:

- a. VLĐR = Vốn CSH – TSCĐ
- b. VLĐR = TSLĐ & ĐT ngắn hạn – Nợ ngắn hạn
- c. VLĐR = Vốn CSH + Vay dài hạn – TSLĐ
- d. VLĐR = Vốn CSH – Nợ ngắn hạn

45. Tín dụng chứng từ là:

- a. Việc cấp tín dụng cho khách hàng phải dựa trên cơ sở hóa đơn chứng từ phù hợp
- b. Một phương thức thanh toán quốc tế
- c. Chứng từ của hồ sơ tín dụng
- d. a và b

46. Thẻ debit là thẻ cho phép chủ thẻ:

- a. Chi tiêu trong giới hạn số tiền có trong tài khoản của chủ thẻ
- b. Chi tiêu vượt số tiền trong tài khoản của chủ thẻ nhưng trong hạn mức đã thỏa thuận
- c. Chi tiêu trong giới hạn số tiền có trong tài khoản của chủ thẻ và của người... (vợ/chồng/con)
- d. Chi tiêu vượt số tiền có trong tài khoản và không giới hạn

47. Theo quy định của Pháp luật, A ủy quyền cho B thực hiện giao dịch thì:

- a. B có thể ủy quyền cho người thứ 3
- b. B không thể ủy quyền cho người thứ 3

- c. B có thể ủy quyền cho người thứ 3 nếu trong ủy quyền của A có quy định cho ủy quyền lại
 - d. Cả 3 ý trên đều không đúng
- 48. Ngân hàng thương mại được phép:**
- a. Kinh doanh nhà đất
 - b. Cung cấp các dịch vụ ngân hàng
 - c. Trực tiếp cung cấp các dịch vụ bảo hiểm
 - d. b và c
- 49. Trong báo cáo tài chính của một tập đoàn, người ta loại trừ:**
- a. Doanh thu, chi phí, phái thu, phái trả và các hoạt động giữa các thành viên của tập đoàn
 - b. Doanh thu, chi phí giữa các thành viên của tập đoàn
- 50. Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp gồm:**
- a. Tài sản cố định và các tài sản khác
 - b. Vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, lợi nhuận để lại
 - c. Vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, lợi nhuận để lại, quỹ dự phòng rủi ro giảm giá đầu tư và các quỹ khác
 - d. Vốn điều lệ
- 51. Tài sản đảm bảo của khoản vay:**
- a. Nhằm đảm bảo rủi ro không trả nợ vay của khách hàng
 - b. Nhằm đảm bảo khách hàng sẽ trả lợi
 - c. Là nhân tố quyết định để ngân hàng cho khách hàng vay
 - d. Là tài sản thuộc sở hữu của Ngân hàng
- 52. Bán hàng trả chậm là hình thức:**
- a. Người mua cho người bán chiếm dụng vốn
 - b. Chia sẻ lợi nhuận giữa người mua và người bán
 - c. Cấp tín dụng thương mại của người bán cho người mua
 - d. Làm giảm doanh thu của người bán
- 53. Hệ số tự tài trợ được xác định bằng:**
- a. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng tài sản của doanh nghiệp
 - b. Tỷ trọng vốn điều lệ, lợi nhuận để lại trong tổng tài sản của doanh nghiệp
 - c. Tỷ trọng vốn điều lệ trong tổng tài sản
 - d. Tỷ lệ của vốn chủ sở hữu so với tổng nợ của doanh nghiệp
- 54. Thặng dư do phát hành cổ phiếu của doanh nghiệp được coi là:**
- a. Lợi nhuận của doanh nghiệp
 - b. Một phần vốn của chủ sở hữu
 - c. Phần vốn tăng thêm của vốn chủ sở hữu và lợi nhuận của doanh nghiệp

- d. Doanh thu của doanh nghiệp
- 55. Sau khi giải ngân cho khách hàng mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, cán bộ tín dụng (cán bộ quan hệ khách hàng) phải thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn vay đúng mục đích tại đơn vị như sau:**
- Kiểm tra thực tế hạch toán sổ sách kế toán của khách hàng đối với nguyên vật liệu mua về
 - Kiểm tra thực tế chứng từ nhập kho, biên bản giao nhận hàng, tình hình xuất kho và sử dụng nguyên vật liệu này
 - Kiểm tra hóa đơn mua hàng, hợp đồng mua bán, biên bản thanh lý hợp đồng, công nợ đối với bên bán hàng
 - a, b và c
- 56. Trường hợp 1 tài sản cho nhiều nghĩa vụ tại nhiều TCTD khác nhau, thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản này là:**
- Nếu tất cả đang ký giao dịch bảo đảm thì thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản đảm bảo được xác định theo thứ tự đăng ký
 - Nếu trường hợp có giao dịch bảo đảm đã đăng ký và có giao dịch bảo đảm chưa đăng ký thì giao dịch bảo đảm có đăng ký được ưu tiên thanh toán trước
 - Nếu các giao dịch bảo đảm đều chưa đăng ký thì thứ tự ưu tiên thanh toán được xác định theo thứ tự thời gian và xác lập giao dịch bảo đảm
 - a, b và c

PHẦN II : Tính toán, phân tích và giải thích ngắn gọn (40 điểm, 3điểm/1câu)

- Trong phân tích tài chính có quan điểm cho rằng doanh thu của doanh nghiệp càng lớn thì nợ vay của Ngân hàng càng được hoàn trả đầy đủ và đúng hạn, ý kiến của bạn?
- Một doanh nghiệp đang quan hệ tín dụng tại Ngân hàng, tại thời điểm cuối năm 2008 báo cáo tài chính của khách hàng cho thấy có sự mất cân đối vốn (dùng một phần nguồn vốn ngắn hạn để đầu tư vào tài sản cố định). Doanh nghiệp vẫn có nhu cầu tiếp tục vay vốn lưu động để kinh doanh. Cán bộ tín dụng có ý kiến: Ngân hàng nên dừng cho vay. Ý kiến của bạn?
- Hãy tính VAT theo phương pháp khấu trừ cho Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm với thông tin như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền (đã có VAT)	Thuế suất thuế VAT
1. Doanh thu	132.000	10%

2. Chi phí	110.900	
- Khấu hao	27.000	
- Nhân công	15.000	

4. Công ty A có nhu cầu vay vốn nhập khẩu 1 xe trộn bê tông, giá trị hợp đồng ngoại nhập khẩu là 100.000USD
Phương thức thanh toán theo Hợp đồng ngoại là 10% thanh toán T/Tr (chuyển tiền) ngay khi ký hợp đồng 90% còn lại thanh toán bằng LC trả ngay khi bộ chứng từ về
Khách hàng đã dùng vốn tự có thanh toán 10% ban đầu, chi phí thông quan 2%, chi phí thuê kho bãi vận chuyển 5%, chi phí bảo hiểm 1,2%, chi phí khác 2%, thuế nhập khẩu 5%, thuế VAT 10%, chi phí thanh toán quốc tế và lãi dự kiến là 5% trên giá trị hợp đồng ngoại nhập khẩu
Hãy xác định nhu cầu vốn có thể tài trợ của phương án này? Theo quy định Ngân hàng Quân đội được phép tài trợ tối đa 80% nhu cầu vốn có thể tài trợ, vậy khách hàng bổ thêm vốn tự có là bao nhiêu?
5. Công ty A có thể hoạch doanh thu năm 2009 là 200tỷ đồng, kế hoạch trích khấu hao năm 2009 là 80 tỷ đồng. Kế hoạch lợi nhuận năm 2009 là 8 tỷ đồng, kế hoạch vòng quay vốn lưu động năm 2009 là 9vòng/năm, công ty A được cấp hạn mức năm 2009 tại Ngân hàng MB là 20tỷ đồng, dư nợ huy động bình quân (cả tự có và chiếm dụng vốn) năm 2009 là 20tỷ đồng.
Hãy xác định nhu cầu vốn lưu động còn thiếu bình quân của công ty A và Ngân hàng Quân đội có thể cấp hạn mức?

Cám ơn **Chaien** đã nhiệt tình typing lại đề thi này. Ở bài 5 cuối cùng, anh chỉ chỉnh sửa 1 chút số liệu mà anh cho là hợp lý ^^

Khấu hao 80 tỷ có lẽ cao quá. Kế hoạch LN có 4 tỷ thui nên anh nghĩ Khấu hao tầm 10 – 20 tỷ/ năm

Vòng quay VLĐ vậy thì nhiều quá, tầm 3 vòng là hợp lý (và cũng theo cái đề chụp của MB nữa, nhìn toét cả mắt O_O)

Căn bản ở đây chỉ là cách tính toán thôi, còn số liệu sai 1 chút cũng ko sao.

=====

Giải đề thi tín dụng vào MB (05/09)

(Thời gian 90 phút)

1. **B**

Khi muốn chặn tiền trong lưu thông NHTW sẽ bán trái phiếu trên thị trường mở và tăng LS DTBB để giảm khả năng cho vay ra của các NHTM, giảm lượng tiền mặt lưu thông

2. **D**

Lạm phát = LS danh nghĩa – LS thực.

Lạm phát phụ thuộc cả LS danh nghĩa và LS thực. Để Lạm phát tăng thì có thể do LS danh nghĩa tăng, hoặc LS thực giảm hoặc do đồng thời cả 2. Do đó ko thể chắc LS danh nghĩa đã tăng hay giảm.

3. **B**

Tỷ giá là phản ánh của Cung – Cầu ngoại hối trên thị trường.

4. **B**

Việc tăng giá đồng bản tệ sẽ khiến cho việc nhập khẩu các hàng hóa nước ngoài có lợi hơn so với trước kia. Do đó sẽ khuyến khích nhập khẩu

5. **B**

Theo số liệu mới nhất của Tổng cục thống kê.

Năm 2008, VN có mức tăng GDP là 6,23%.

Xem thêm các số liệu kinh tế khác ở link dưới:

http://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_t%E1%BA%BF_Vi%E1%BB%87t_Nam

6. **C**

Năm 2008, Việt Nam là nước xuất khẩu thứ 2 trên TG; Sau Thái Lan.

Năm 2008, VN xuất khẩu gần 5 triệu tấn gạo. Thái Lan là gần 8 tấn gạo.

Năm 2009, VN cũng là nước thứ 2, sau Thái Lan về XK Gạo

7. **A**

Năm 2008, 2009, Dệt may là mặt hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng cao nhất của VN

8. **A**

Việt Nam trở thành Ủy viên không thường trực của Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc kể từ tháng 10/2007.

9. **C**

Vì GDP (viết tắt của Gross Domestic Product) là giá trị tính bằng tiền của tất cả sản phẩm và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi lãnh thổ trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm.

Nhưng công thức là:

$$\text{GDP} = \text{C} + \text{I} + \text{G} + \text{NX}$$

$$\text{NX} = \text{EX} - \text{IX} \text{ (Xuất khẩu - Nhập khẩu)}$$

Trong đó:

- C: là tiêu dùng của tất cả các cá nhân (hộ gia đình) trong nền kinh tế.
- I: là đầu tư của các nhà kinh doanh vào cơ sở kinh doanh. Đây được coi là tiêu dùng của các nhà đầu tư.
- G: là tổng chi tiêu của chính phủ (tiêu dùng của chính phủ). Quan hệ của phần này đối với các phần còn lại của GDP được mô tả trong lý thuyết khả dụng (có thể đem đi tiêu).
- NX: là "xuất khẩu ròng" của nền kinh tế. Nó bằng xuất khẩu (tiêu dùng của nền kinh tế khác đối với các sản phẩm và dịch vụ do nền kinh tế trong tính toán sản xuất) - nhập khẩu (tiêu dùng của nền kinh tế trong tính toán đối với các sản phẩm và dịch vụ do nền kinh tế khác sản xuất).

10. D

Cả a, b, c

11. D

Tính thanh khoản của 1 TS được quyết định bởi thời gian và chi phí để chuyển TS này thành tiền mặt.

12. D

Trong nền kinh tế mở, tỷ giá linh hoạt. Nếu NHTW phát hành trái phiếu ra công chúng thì => sẽ làm cho tiền mặt trong lưu thông giảm, LS cho vay tăng => Giá cả & Sản lượng giảm.

13. A

LS thả nổi là lãi suất thị trường, chỉ thay đổi khi NH tăng LS huy động.

14. A

Theo nguyên lý chiết khấu dòng tiền, dòng tiền hôm nay có giá hơn ngày hôm sau với khoảng thời gian t.

$$\text{FV} = \text{PV}(1+r)^t$$

15. A

Khi NHTW dự đoán tỷ giá USD/ VND tăng như vậy đồng USD sẽ lên giá trong tương lai. Vì mục đích kiếm lời, họ sẽ duy trì Trạng thái ngoại tệ dương.

16. A

Khi cán cân thanh toán quốc tế thâm hụt, các nước thường áp dụng là: **Hạn chế nhập khẩu, khuyến khích xuất khẩu**. Bước mạnh sau cùng là Tăng thuế quan (thuế nhập khẩu, để hạn chế nhập khẩu).

17. B

Tiền huy động được của người gửi gọi là **tài sản “nợ”** của ngân hàng. Tiền cho công ty và cá nhân vay lại cũng như tiền gửi ở các ngân hàng khác và sổ trái phiếu ngân hàng sở hữu gọi là **tài sản “có”** của ngân hàng. Phần chênh lệch giữa số tiền huy động được và số tiền đem cho vay, gửi ngân hàng và mua trái phiếu gọi là **vốn tự có** của ngân hàng thương mại (*Phần VTC này thuộc TS Nợ*)

18. C

Tổ chức tín dụng là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán.

Tổ chức tín dụng bao gồm hai loại: ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được thực hiện một số hoạt động ngân hàng như là nội dung kinh doanh thường xuyên, nhưng không được nhận tiền gửi không kỳ hạn, không làm dịch vụ thanh toán. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng gồm **công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác**.

Công ty bảo hiểm, được xếp ngang với Tổ chức tín dụng, ko thuộc TCTD.

Định chế tài chính hay Tổ chức tài chính là các tổ chức thương mại và công cộng hoạt động trong lĩnh vực tài chính, tham gia vào việc trao đổi, cho vay, đi mượn và đầu tư tiền tệ. Thuật ngữ này thường được sử dụng để thay thế cho thuật ngữ các trung gian tài chính. Theo quy ước, các định chế tài chính gồm có các **Tổ chức tín dụng, Công ty bảo hiểm, Công ty Quản lý quỹ, Quỹ đầu tư và những người môi giới đầu tư**

19. Không nhìn rõ câu hỏi lắm. Đoán cái 3% là tỷ lệ lạm phát. **LS thực = LS danh nghĩa – TL lạm phát.**

Đáp án C

20. A

Theo quy định của Luật các TCTD, đối tượng: **“Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng”** là không được vay vốn tại nơi mình công tác.

Thực tế, luật cũng ko rõ ràng, ko biết ở đây là sếp hay chính NVTD.

21. Không chụp được

22. B

Theo luật, tổng Dư nợ tín dụng + cho vay bảo lãnh + dư L/C cho 1 khách hàng ko được quá 15% VTC của NH đó.

23. C

Theo Thông tư số 15/2009/TT-NHNN, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn đối với công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính là

30%, quỹ tín dụng nhân dân TƯ 20%. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở không thuộc nhóm đối tượng điều chỉnh của thông tư này

24. B

Hiện năm 2008, 2009 và cả năm 2010, NHNN đang có chương trình hỗ trợ lãi suất 4%/năm đối với các khoản vay trung & dài hạn.

25. B

Hiện tính đến cuối 2009, tháng 8/2010 là 8%.

Hiện nay, 1/9/2010, NHNN đang cân nhắc tăng lên 9%. (*Thông tư 13. Đang cãi nhau ỏm tỏi, nên chưa ra!*)

26. C

Tìm thêm đối tác khác là các NH khác, còn dư nợ cho vay với khách hàng này.

27. Thời gian ân hạn (*còn gọi là thời hạn ưu đãi tín dụng*) là: Thời gian ân hạn là khoảng thời gian bổ sung mà bên cho vay cho phép bên vay trả nợ mà không bị phạt (*Nếu vượt quá thời gian này sẽ bị phạt*)

Vấn đề vốn gốc và lãi có được trả trong thời gian ân hạn hay không thì còn phải phụ thuộc cam kết trong HĐTD nữa, có trường hợp là vẫn trả lãi, ko trả gốc,... trường hợp khác là vẫn trả cả gốc và lãi nếu DN có khả năng trả...v.v..

Grace period

Definition

The additional period of time a lender or insurance policy issuer provides for a borrower to make payment on a debt without penalty.

Công thức: Thời gian cho vay = thời gian ân hạn + thời gian trả nợ.

Trong đó:

Thời gian ân hạn = thời gian giải ngân + Thời gian sản xuất thử.

⇒ *Các bạn tự tìm câu trả lời khi gặp câu hỏi này. Để chụp ko rõ đáp án để chọn nên chỉ làm được đến đây thôi.*

28. Không chụp được

29. Không chụp được

30. C

Quyết định 493: Xử lý rủi ro tín dụng & phân loại nợ

Phân các khoản nợ của khách hàng vay thành 5 nhóm là:

<i>Nhóm nợ</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn, bao gồm nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi đúng hạn	0%
Nhóm 2: Nợ cần chú ý, bao gồm nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ	5%
Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn, bao gồm nợ được đánh giá là không có khả năng thu hồi gốc và lãi khi đến hạn	20%
Nhóm 4: Nợ nghi ngờ, bao gồm nợ được đánh giá là có khả năng tổn thất cao	50%
Nhóm 5: nợ có khả năng mất vốn, bao gồm nợ được đánh giá là không còn khả năng thu hồi, mất vốn.	100%

31. D

32. A

33. A

34. Tài sản lưu động của DN được tài trợ bởi:

Một phần bởi nợ ngắn hạn (vay ngắn hạn, người mua trả trước, phải trả người bán), phần dôi ra sau khi lấy tài sản ngắn hạn trừ nợ ngắn hạn chính là vốn lưu động.

Từ đó ta có công thức tính Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn.

35. B

Khoản dự phòng được xem như 1 khoản chi phí (mặc dù chưa có dòng tiền xuất ra). Nó làm giảm LN cùng kỳ của DN

36. C

Chưa thể kết luận được. Chính vì vậy người ta ít dùng hệ số này mà hay dùng Hệ số khả năng TT nhanh (*Từ số đã loại trừ đi khoản mục **Hàng tồn kho***)

37. A

38. A

Theo quan điểm ngân hàng:

Nhu cầu VLĐ = Tồn quỹ tiền mặt + Khoản phải thu + Tồn kho - Khoản phải trả

Vốn lưu động là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ tài sản lưu động của doanh nghiệp. Tài sản lưu động của doanh nghiệp gồm 2 phần: Tài sản lưu động trong sản xuất và tài sản lưu động trong lưu thông.

+ Tài sản lưu động trong sản xuất là những vật tư dự trữ như nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu ... và sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất.

+ Tài sản lưu động trong lưu thông bao gồm: Sản phẩm hàng hóa chờ tiêu thụ, các loại vốn bằng tiền, vốn trong thanh toán, các khoản phí chờ kết chuyển, chi phí trả trước

39. Không chụp được

40. Không chụp được

41. Không chụp được

42. B

Không nhìn rõ lắm, có lẽ là B

43. B

$VQ_{HTK} = \text{Giá vốn hàng năm} / \text{Bình quân giá trị hàng tồn kho}$

44. B

$VLD_{ròng} = TSLĐ \ \& \ ĐT \ ngắn \ hạn - Nợ \ ngắn \ hạn$

45. B

Tín dụng chứng từ (Letter Credit – L/C) là một phương thức thanh toán quốc tế; trong đó theo yêu cầu của khách hàng, NH phát hành 1 bức thư gọi là L/C cam kết trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu đòi tiền (B/E) của 1 bên thứ 3 khi người này xuất trình cho NH bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những điều kiện và điều khoản quy định trong L/C.

46. A

Debit Card: là thẻ ghi nợ hay khấu trừ nợ dựa vào số tiền có trong tài khoản. Khi bạn đem tiền ký gửi vào ngân hàng, ngân hàng sẽ cung cấp cho bạn một thẻ gọi là Debit Card. Thẻ này được sử dụng để mua hàng hóa hoặc thanh toán dịch vụ dựa trên số tiền có trong tài khoản. **Bạn không thể sai hay mua vượt số tiền ký gửi**

Tìm hiểu thêm:

Ngoài ra còn có 1 loại thẻ liên quan là **Credit card**.

Đó là thẻ cấp bởi ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh doanh cho người có tín dụng vay trước dùng thẻ để mua hàng hóa hoặc thanh toán dịch vụ dựa trên số tiền cho phép (*bạn được tiêu quá đến một hạn mức tín dụng nhất định, theo thỏa thuận trước đó với NH*). Do vậy thẻ tín dụng còn gọi là thẻ thanh toán-Charge Card

47. D

Chẳng cái nào đúng cả, nếu A ủy quyền cho B và ủy quyền cho 1 người thứ 3 thì phải ghi rõ người thứ 3 đó là ai mới hợp lệ.

48. B

49. A

Để tránh kê khai > 2 lần các khoản mục này.

50. C

51. A

52. C

53. A

Hệ số tự tài trợ = $VTC / \text{Tổng nguồn vốn}$

54. B

Thặng dư do PHCP là 1 phần thuộc Vốn chủ sở hữu, là 1 khoản mục thuộc vốn chủ

55. D

Kiểm tra tất: hóa đơn, chứng từ đến sổ sách kế toán....

56. D

Phần II – Bài tập

1- Trong phân tích tài chính, có quan điểm cho rằng doanh thu của DN càng lớn thì nợ vay ngân hàng càng được hoàn trả đầy đủ và đúng hạn ?

Ý kiến: Nhận định này hoàn toàn SAI.

Bởi lẽ. Doanh thu của DN chưa thể phản ánh DN có khả năng trả nợ cho NH hay không, nó còn phụ thuộc vào khoản chi phí chính mà DN phải trừ đi đó là Giá vốn hàng bán, ngoài ra là các khoản chi phí như: Chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN, chi phí khác .v.v...

Nợ vay của NH được hoàn trả đầy đủ phụ thuộc vào: Khoản LN trước thuế của DN. Khoản LN càng lớn thì DN càng có nhiều khả năng trả nợ cho NH. Nó phụ thuộc đồng thời vào 2 yếu tố: Doanh thu và chi phí của DN.

Nợ vay được hoàn trả đúng hạn hay không, ngoài ra còn phụ thuộc vào thiện chí trả nợ của DN. Một số DN có thể có LN lớn nhưng vẫn chưa muốn trả nợ vì họ còn mong muốn được chiếm dụng vốn thêm 1 thời gian cho các mục đích SXKD của họ.

- 2- Một doanh nghiệp đang quan hệ tín dụng tại NH, tại thời điểm cuối năm 2008 báo cáo tài chính của khách hàng cho thấy có sự mất cân đối vốn (dùng 1 phần vốn ngắn hạn để đầu tư TS cố định). DN vẫn có nhu cầu tiếp tục vay vốn lưu động để kinh doanh. Cán bộ tín dụng có ý kiến: Ngân hàng nên dừng cho vay ? Ý kiến của bạn ?

Ý kiến: Vẫn nên tiếp tục cho vay nhưng bắt DN có cam kết.

Trong sự việc này, nếu NH dừng cho vay thì sẽ chịu thiệt. Hơn nữa việc vô tình DN tài trợ TS cố định của DN trong đề bài chưa nêu rõ mức độ và số liệu cụ thể nên NVTD cần làm rõ vấn đề này hơn trước khi đưa ra ý kiến ngừng cho vay.

Bởi nếu xét thấy DN có vô tình tài trợ 1 phần nhỏ vốn vay nhưng tình hình kinh doanh và công nợ của KH với NH vẫn tốt thì vẫn có thể xem xét cho DN tiếp tục vay vốn.

Tuy nhiên, phía NVTD cần nhắc nhở DN để không tái phạm lần nữa, tùy mức độ sai phạm mà có thể bắt phải DN phải viết đơn cam kết với NH.

- 3- Hãy tính VAT theo phương pháp khấu trừ cho DN sản xuất SP với các thông tin như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền (Đã có VAT)	Số tiền (Chưa có VAT)	Thuế suất thuế VAT	Thuế VAT đầu ra
1. Doanh thu	132.000	120.000	10%	12.000
2. Chi phí	110.900	110.900		
+ Khấu hao	27.000	27.000		
+ Nhân công	15.000	15.000		
+ Chi phí XXX	49.500	45.000	10%	
+ Chi phí YYY	8.800	8.000	10%	
+ Chi phí khác	10.600	0	0%	

Trả lời:

VAT theo phương pháp khấu trừ = 12.000

(Bài này dễ 1 cách khó tin ☺)

- 4- Công ty A có nhu cầu vay vốn nhập khẩu 1 xe trộn bê tông, giá trị HĐ ngoại nhập khẩu là 100.000 USD

Phương thức thanh toán theo HĐ ngoại là 10% thanh toán T/Tr (chuyển tiền) ngay khi ký hợp đồng, 90% còn lại thanh toán bằng L/C trả ngay khi bộ chứng từ về.

Giangblog – www.giangblog.com

Khách hàng đã dùng vốn tự có thanh toán 10% ban đầu. Chi phí thông quan 21%, chi phí thuê kho bãi vận chuyển 5%, chi phí bảo hiểm 1,2%, chi phí khác 2%, thuế nhập khẩu 5%, thuế VAT 10%, chi phí Thanh toán quốc tế và lãi vay dự kiến là 5% trên giá trị hợp đồng ngoại nhập khẩu.

Hãy xác định nhu cầu vốn có thể tài trợ của phương án này? Theo quy định, NH Quân Đội được phép tài trợ tối đa 80% nhu cầu vốn có thể tài trợ. Vậy khách hàng phải bỏ thêm vốn tự có là bao nhiêu ?

Trả lời:

90% giá trị L/C của HĐ trước khi thông quan là = 90.000 USD

Chi phí thông quan 21% = 21.000 USD

Chi phí thuê kho bãi vận chuyển 5% = 5.000 USD

Chi phí bảo hiểm 1,2% = 1.200 USD

Chi phí khác 2% = 2.000 USD

Thuế nhập khẩu 5% = 5.000 USD

Thuế VAT = 10% x 100.000 = 10.000 USD

Chi phí TTQT và lãi vay dự kiến 5% = 5.000 USD

Nhu cầu vốn cho PÁN = 90.000 + 21.000 + 5.000 + 1.200 + 2.000 + 5.000 + 10.000 + 5.000 = 139.200

Nhu cầu vốn MB có thể tài trợ cho P/án = 80% x 139.200 = 111.360 USD

Khách hàng phải tài trợ thêm = 20% x 139.200 = 27.840 USD

- 5- Công ty A có kế hoạch doanh thu năm 2009 là 200 tỷ đồng, kế hoạch trích khấu hao năm 2009 là 10 tỷ đồng, kế hoạch lợi nhuận năm 2009 là 4 tỷ đồng, kế hoạch vòng quay vốn lưu động năm 2009 là 3 vòng/ năm. Công ty A được cấp hạn mức năm 2009 tại Ngân hàng X là 20 tỷ đồng. Dư nợ huy động bình quân (*Cả tự có và chiếm dụng vốn*) năm 2009 là 20 tỷ đồng. Hãy xác định nhu cầu vốn lưu động còn thiếu bình quân của công ty A mà ngân hàng Quân đội có thể cấp hạn mức ?

Trả lời (Bài này chưa sure lắm, sẽ fix sau)

Nhu cầu VLĐ = (Doanh thu dự kiến - Khấu hao - Lợi nhuận dự kiến) / Vòng quay VLĐ

= (200 – 10 – 4) / 3 = 62 (tỷ đồng)

Nhu cầu VLĐ còn thiếu = 62 – 20 – 20 = 22 (tỷ đồng)

(Lưu ý: Nếu là tính cho một dự án nghiệm thu 1 lần và thanh toán 1 lần thì vòng quay VLĐ là bằng 1)